

**BỘ CÔNG THƯƠNG
TRUNG TÂM THÔNG TIN CÔNG NGHIỆP VÀ THƯƠNG MẠI**

BÀI VIẾT

**“PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH CUNG CẦU VÀ DỰ BÁO MẶT HÀNG CÀ PHÊ,
THÁNG 10 VÀ 10 THÁNG NĂM 2024”**

(Thực hiện nhiệm vụ “Cung cấp thông tin phân tích và dự báo thị trường nhằm thúc đẩy và nâng cao hiệu quả kinh doanh, tiêu thụ nông sản trong nước” năm 2024)

PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH CUNG CẦU VÀ DỰ BÁO MẶT HÀNG CÀ PHÊ (Tháng 10 và 10 tháng năm 2024)

I. NGUỒN CUNG

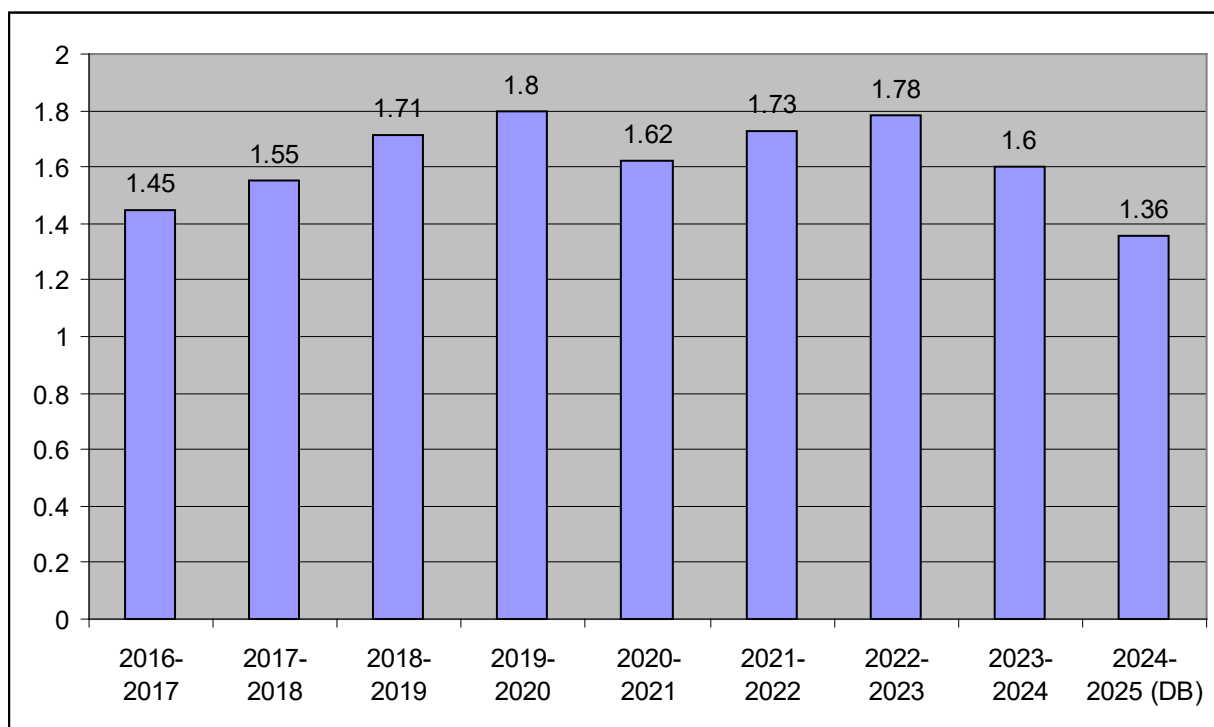
- *Tình hình sản xuất*

Trong tháng 10/2024, nông dân Việt Nam đã bắt đầu thu hoạch cà phê niên vụ 2024-2025 (tháng 10/2024 đến tháng 9/2025). Năm nay thị trường cà phê có những biến động mạnh về giá, tác động đến tâm lý người nông dân trong khâu thu hoạch. Do đó, ngay từ đầu vụ mới, các cơ quan chức năng tại các vùng trồng cà phê đang hỗ trợ tích cực cho nông dân thu hoạch cà phê đạt hiệu quả, chất lượng.

Trong ngắn hạn, nguồn cung cà phê trong nước sẽ tăng lên nhờ sản lượng từ vụ thu hoạch mới đổ ra thị trường. Tuy nhiên, xét chung cả niên vụ 2024-2025, nguồn cung cà phê trong nước dự báo sẽ thấp hơn niên vụ trước đó do sản lượng dự báo tiếp tục giảm trong khi tồn kho niên vụ trước chuyển sang ở mức thấp.

Theo Hiệp hội Cà phê Cao cao Việt Nam (Vicofa), sau khi giảm hơn 10% xuống còn 1,6 triệu tấn trong niên vụ 2023-2024, sản lượng cà phê nước ta dự báo tiếp tục sụt giảm khoảng 15% xuống còn 1,36 triệu tấn trong niên vụ 2024-2025 do thời tiết khô hạn trước đó và diện tích giảm trong những năm trước.

Biểu đồ 1. Sản lượng cà phê của Việt Nam từ niên vụ 2016-2017 đến niên vụ 2023-2025 (ĐVT: triệu tấn)



Nguồn: VITIC tính toán theo số liệu của Vicofa

- Tình hình nhập khẩu

Niên vụ cà phê 2023-2024 vừa kết thúc vào tháng 9 vừa qua, Việt Nam đã nhập khẩu lượng cà phê kỷ lục để bù đắp cho sản lượng sụt giảm trong nước.

Theo Vicofa, tính từ đầu năm đến hết tháng 9/2024, Việt Nam đã nhập khẩu khoảng 139.000 tấn cà phê, trị giá gần 527 triệu USD, tăng khoảng 36% về khối lượng và tăng gần 76% về trị giá so với cùng kỳ năm ngoái.

Càng về cuối vụ, Việt Nam nhập khẩu cà phê càng nhiều do nguồn cung trong nước khan hiếm. Riêng tháng 9/2024, các doanh nghiệp đã nhập 14.400 tấn cà phê, trị giá gần 65 triệu USD, tăng 54% về khối lượng và tăng 132% về trị giá so với cùng kỳ năm ngoái.

Trong tháng 9/2024, Việt Nam nhập khẩu cả cà phê nhân (nguyên liệu) và thành phẩm. Tuy nhiên, bình quân giá cà phê nhập khẩu đều thấp hơn giá xuất khẩu. Cụ thể, cà phê nhân nhập khẩu đơn giá bình quân 4.194 USD/tấn trong khi đơn giá xuất khẩu bình quân là 5.022 USD/tấn. Cà phê chế biến (rang xay và hòa tan) nhập khẩu đơn giá bình quân 7.580 USD/tấn, trong khi đơn giá cà phê chế biến xuất khẩu là 9.269 USD/tấn.

Các doanh nghiệp chủ yếu nhập cà phê nguyên liệu giá rẻ để sản xuất cà phê hòa tan, một lượng ít nhập khẩu cà phê chế biến để phục vụ tiêu dùng trong nước. Nguồn cung cà phê cho Việt Nam đến từ Lào, Indonesia, Brazil, Colombia, Ethiopia, Peru...

II. TÌNH HÌNH TIÊU THỤ

- Tiêu thụ trong nước

Việt Nam là quốc gia có mức tiêu thụ cà phê khá lớn, theo dữ liệu từ Vicofa, tiêu thụ cà phê bình quân đầu người ở nước ta đã tăng từ 1,7 kg cà phê năm 2015 lên gần 3 kg cà phê trong năm 2023. Năm 2024, tiêu thụ dự báo sẽ vẫn ở mức cao.

Theo Bộ Nông nghiệp Mỹ (USDA), mức tiêu thụ cà phê tại Việt Nam dự báo sẽ tăng lên 3,6 triệu bao trong năm marketing 2024/25 so với mức 3,45 triệu bao trong năm marketing 2023/24 nhờ nhu cầu mạnh.

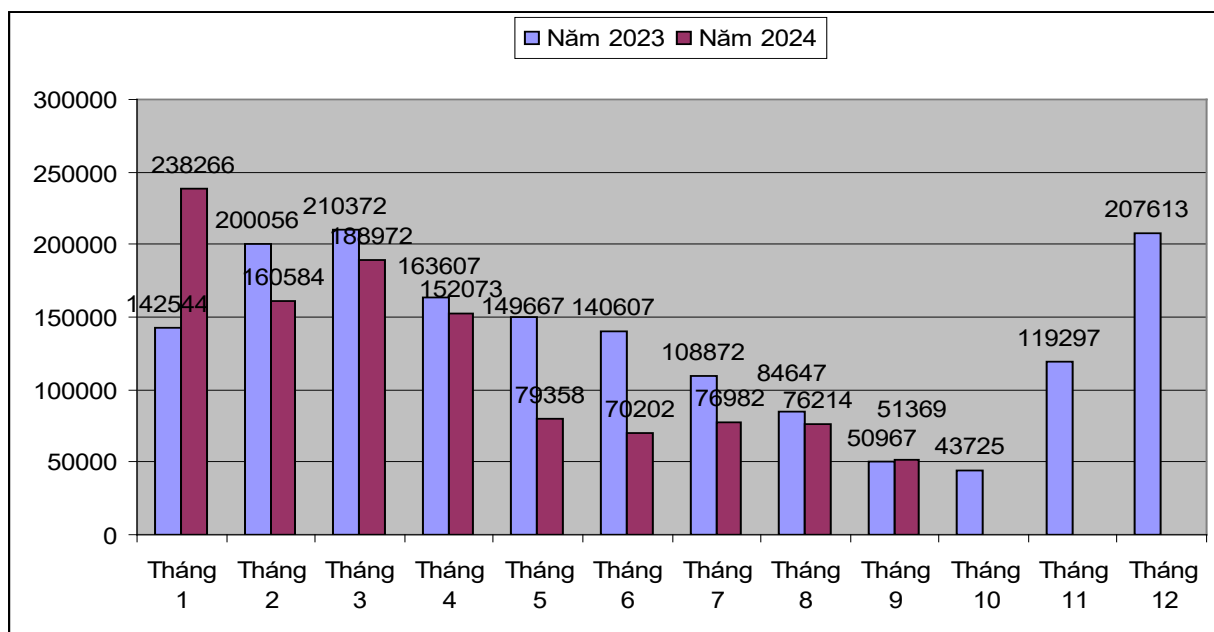
- Tình hình xuất khẩu

Theo số liệu thống kê sơ bộ từ Tổng cục Hải quan, trong nửa đầu tháng 10/2024, Việt Nam xuất khẩu 21.489 tấn cà phê, trị giá 125,8 triệu USD. So với nửa đầu tháng 9/2024, lượng xuất khẩu tăng 0,4% và trị giá tăng 7,5%. Đặc biệt, so với cùng kỳ tháng 10/2023, lượng xuất khẩu tăng 20,5% và trị giá tăng 98,0%. Tính từ đầu năm đến giữa tháng 10/2024, xuất khẩu cà phê đạt khoảng 1,13 triệu tấn, trị giá 4,44 tỷ USD, giảm 11,1% về lượng nhưng tăng 39,1% về trị giá so với cùng kỳ năm trước.

Cũng theo Tổng cục Hải quan, trong tháng 9/2024 (tháng cuối cùng của niên vụ cà phê 2023-2024), xuất khẩu cà phê của Việt Nam xuống mức thấp nhất từ đầu năm tới

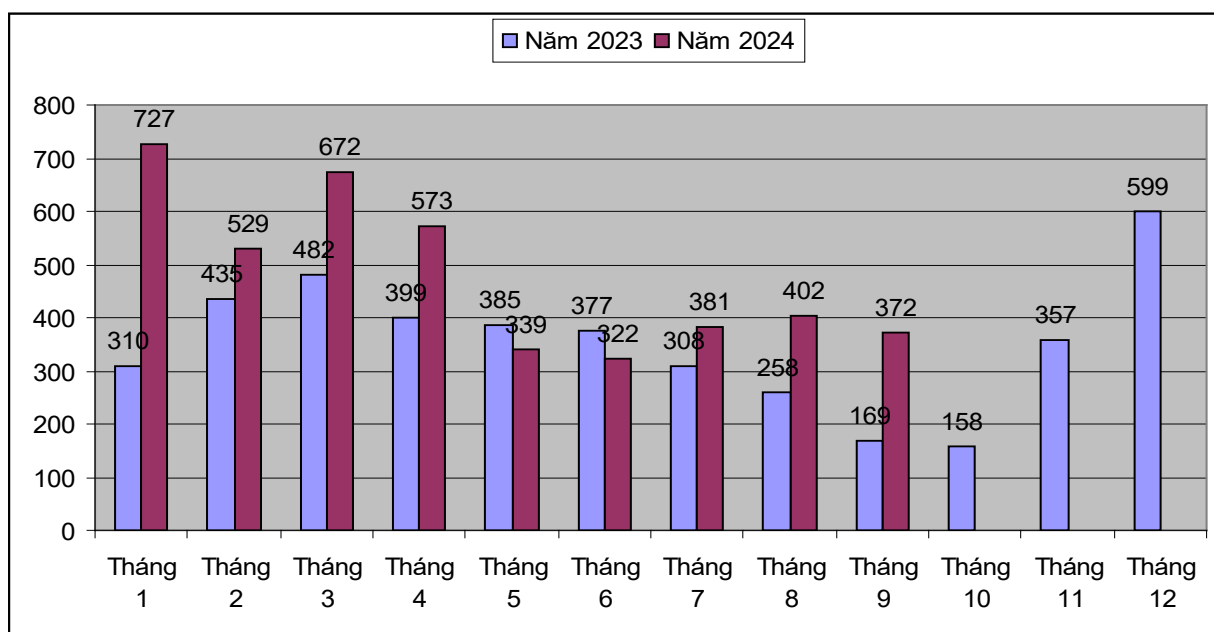
nay với khối lượng 51.369 tấn, trị giá 286,9 triệu USD, giảm 32,6% về lượng và giảm 28,7% về trị giá so với tháng trước, nhưng so với cùng kỳ năm ngoái tăng 0,8% về lượng và 70,1% về trị giá. Tính chung 9 tháng năm 2024, Việt Nam xuất khẩu hơn 1,1 triệu tấn cà phê, trị giá thu về 4,31 tỷ USD, giảm 11,7% về lượng nhưng lại tăng 37,8% về trị giá so với cùng kỳ năm 2023.

Biểu đồ 2. Xuất khẩu cà phê của Việt Nam qua các tháng năm 2023-2024 theo khối lượng (tấn)



Nguồn: VITIC tính toán theo số liệu của TCHQ

Biểu đồ 3. Xuất khẩu cà phê của Việt Nam qua các tháng năm 2023-2024 theo trị giá (triệu USD)



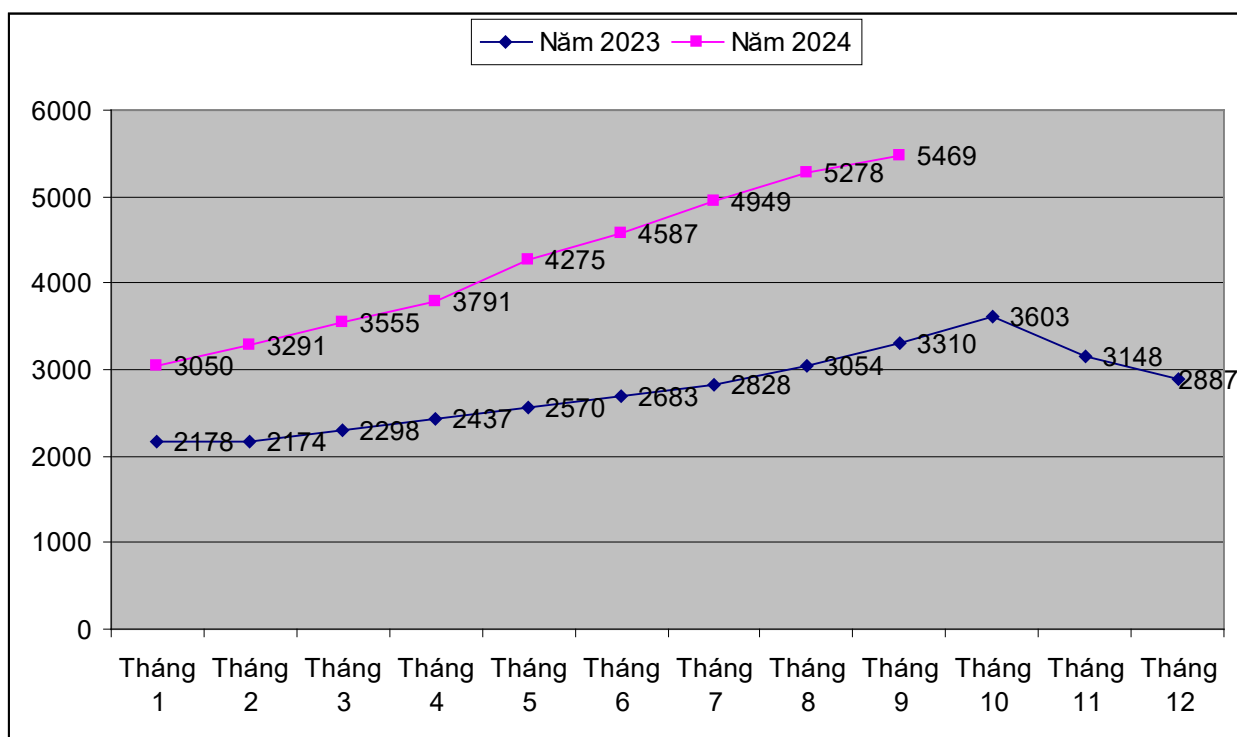
Nguồn: VITIC tính toán theo số liệu của TCHQ

Thông thường giai đoạn từ tháng 5 đến tháng 9 hàng năm, khối lượng xuất khẩu cà phê của nước ta giảm dần qua các tháng và ở mức thấp do đây là thời điểm cuối vụ nên nguồn cung không còn dồi dào. Giai đoạn này năm nay khối lượng xuất khẩu cà phê của nước ta thậm chí còn thấp hơn nhiều so với cùng kỳ năm ngoái do sản lượng trong nước sụt giảm khiến nguồn cung cho xuất khẩu rất hạn hẹp. Dự kiến, từ tháng 10/2024 nguồn cung cà phê cho xuất khẩu sẽ bắt đầu cải thiện khi vụ thu hoạch cà phê 2024-2025 bắt đầu.

Mặc dù khối lượng xuất khẩu giảm nhưng nhờ giá tăng mạnh nên kim ngạch xuất khẩu cà phê trong 9 tháng năm 2024 (4,31 tỷ USD) đã vượt con số 4,24 tỷ USD đạt được trong cả năm 2023 và thiết lập mốc kỷ lục mới.

Giá xuất khẩu bình quân cà phê của Việt Nam trong 9 tháng năm 2024 đạt 3.896 USD/tấn, tăng 56% so với cùng kỳ năm ngoái. Tính riêng trong tháng 9/2024, giá cà phê xuất khẩu bình quân đạt 5.469 USD/tấn - mức cao nhất từ trước đến nay.

Biểu đồ 4. Giá xuất khẩu cà phê của Việt Nam qua các tháng năm 2023-2024 (ĐVT: USD/tấn)



Nguồn: VITIC tính toán theo số liệu của TCHQ

Về thị trường xuất khẩu, Liên minh châu Âu (EU) vẫn là thị trường xuất khẩu cà phê lớn nhất của Việt Nam trong 9 tháng năm 2024, chiếm 39% tổng khối lượng và 38% kim ngạch xuất khẩu cà phê của cả nước, với khối lượng đạt 431.231 tấn, trị giá gần 1,64 tỷ USD, giảm 8,1% về lượng và tăng 47,8% về trị giá so với cùng kỳ năm 2023.

Trong đó, lượng cà phê xuất khẩu sang Đức, Italia, Bỉ, Pháp giảm so với cùng kỳ, nhưng bù lại kim ngạch vẫn tăng mạnh. Ngược lại, xuất khẩu cà phê sang Tây Ban Nha và Hà Lan lại tăng mạnh cả về lượng và trị giá.

Xuất khẩu mặt cà phê sang thị trường Nhật Bản trong 9 tháng năm 2024 đạt 79.642 tấn, trị giá 330,8 triệu USD, giảm 4,9% về lượng song lại tăng 39,89% về trị giá so với cùng kỳ năm 2023.

Trong 9 tháng năm 2024, xuất khẩu cà phê sang thị trường Mỹ chứng kiến khối lượng sụt giảm mạnh, chỉ đạt 64.251 tấn, trị giá 234,5 triệu USD, giảm 30,2% về lượng và tăng 7,1% về trị giá.

Ngoài ra, lượng xuất khẩu sang một số thị trường như Nga, Hàn Quốc, Algeria, Anh... cũng ghi nhận sự sụt giảm.

Tuy nhiên, xuất khẩu sang một số thị trường tại châu Á khác như: Philippines, Indonesia, Trung Quốc, Thái Lan, Malaysia... chứng kiến sự gia tăng mạnh mẽ cả về lượng và trị giá so với cùng kỳ năm ngoái.

Bảng 1. Thị trường Việt Nam xuất khẩu cà phê chủ yếu trong tháng 9 và 9 tháng năm 2024

Thị trường	Tháng 9/2024		Tăng/giảm so với cùng kỳ 2023 (%)		9 tháng năm 2024		Tăng/giảm so với cùng kỳ 2023 (%)	
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá
Tây Ban Nha	5.786	34.194	83,28	179,61	83.236	339.311	20,48	88,10
Italia	4.307	22.124	10,61	125,16	103.392	353.454	-12,27	34,85
Trung Quốc	4.261	20.433	131,83	142,04	41.142	174.186	36,64	71,82
Nhật Bản	3.478	20.411	-25,57	21,74	79.642	330.779	-4,90	39,89
Philippin	3.202	18.908	28,70	73,87	45.813	214.962	60,51	120,68
Nga	2.826	16.006	-20,68	33,14	57.809	235.512	-18,96	28,67
Anh	2.294	13.770	-4,62	39,77	22.816	100.907	-24,22	29,12
Hoa Kỳ	2.100	10.929	32,74	111,72	64.251	234.492	-30,24	7,12
Thái Lan	1.839	9.922	-53,69	-8,09	33.875	137.807	43,87	76,07
Hàn Quốc	1.732	5.655	-33,46	-15,86	30.381	106.481	-4,79	35,08
Bỉ	1.724	8.750	54,90	178,75	32.957	122.592	-34,11	5,24
Đức	1.503	7.961	-50,33	-6,90	131.834	481.338	-11,47	44,95
Malaixia	1.458	8.247	42,94	106,23	26.926	117.076	62,88	117,54

Thị trường	Tháng 9/2024		Tăng/giảm so với cùng kỳ 2023 (%)		9 tháng năm 2024		Tăng/giảm so với cùng kỳ 2023 (%)	
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá
Pháp	1.433	7.035	104,71	298,36	13.721	52.178	-18,30	48,85
Hà Lan	1.159	6.718	18,27	86,25	35.982	145.111	13,75	77,01
Ba Lan	1.018	8.956	142,96	347,13	9.119	57.688	-21,05	50,43
Indonesia	959	8.195	-23,16	28,55	45.012	189.186	43,90	88,86
Bồ Đào Nha	726	4.016	22,22	134,58	11.066	42.166	-5,22	53,92
Algeria	700	3.758	-1,41	98,31	27.795	95.164	-45,36	-15,88
Ôxtrâylia	332	2.123	-32,79	-5,18	10.083	42.563	11,55	60,35
Ai Cập	319	1.579	-34,63	52,86	10.224	37.407	-21,67	26,98
Ấn Độ	205	544	-70,20	-66,69	12.538	38.139	-46,68	-19,78

Nguồn: VITIC tính toán theo số liệu của TCHQ

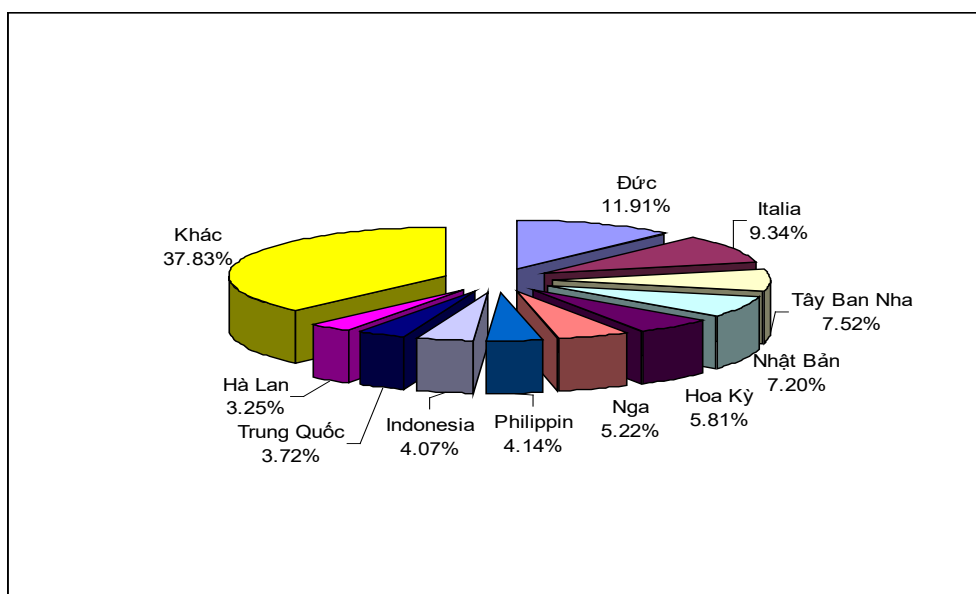
Bảng 2. Giá cà phê xuất khẩu Việt Nam bình quân tháng 9 và 9 tháng năm 2024 sang các thị trường chính

Thị trường	Giá xuất khẩu bình quân tháng 9/2024 (USD/tấn)	Tăng/giảm so với cùng kỳ 2023 (%)	Giá xuất khẩu bình quân 9 tháng năm 2024 (USD/tấn)	Tăng/giảm so với cùng kỳ 2023 (%)
Ba Lan	8.798	84,03	6.326	90,54
Indonesia	8.545	67,29	4.203	31,25
Ôxtrâylia	6.395	41,09	4.221	43,75
Anh	6.003	46,53	4.423	70,40
Tây Ban Nha	5.910	52,57	4.076	56,13
Philippin	5.905	35,10	4.692	37,49
Nhật Bản	5.869	63,57	4.153	47,10
Hà Lan	5.796	57,48	4.033	55,62
Nga	5.664	67,86	4.074	58,77

Thị trường	Giá xuất khẩu bình quân tháng 9/2024 (USD/tấn)	Tăng/giảm so với cùng kỳ 2023 (%)	Giá xuất khẩu bình quân 9 tháng năm 2024 (USD/tấn)	Tăng/giảm so với cùng kỳ 2023 (%)
Malaixia	5.656	44,27	4.348	33,56
Bồ Đào Nha	5.532	91,93	3.810	62,40
Thái Lan	5.395	98,47	4.068	22,38
Algeria	5.369	101,14	3.424	53,94
Đức	5.297	87,44	3.651	63,74
Hoa Kỳ	5.204	59,50	3.650	53,56
Italia	5.137	103,57	3.419	53,71
Bỉ	5.075	79,96	3.720	59,72
Ai Cập	4.950	133,84	3.659	62,10
Pháp	4.909	94,59	3.803	82,20
Trung Quốc	4.795	4,40	4.234	25,74
Hàn Quốc	3.265	26,45	3.505	41,88
Ấn Độ	2.654	11,80	3.042	50,45

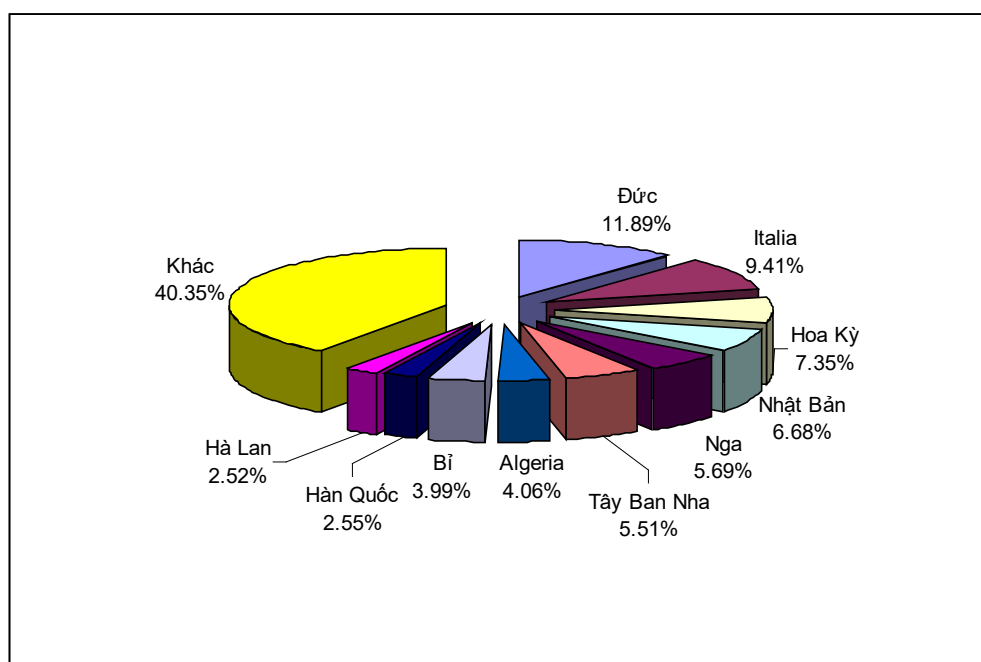
Nguồn: VITIC tính toán theo số liệu của TCHQ

Biểu đồ 5. Cơ cấu thị trường xuất khẩu cà phê Việt Nam 9 tháng năm 2024 (theo khối lượng)



Nguồn: VITIC tính toán theo số liệu của TCHQ

Biểu đồ 6. Cơ cấu thị trường xuất khẩu cà phê Việt Nam 9 tháng năm 2023 (theo khối lượng)



Nguồn: VITIC tính toán theo số liệu của TCHQ

III. DIỄN BIẾN GIÁ

Trong tháng 10/2024, theo xu hướng giá cà phê trên thị trường thế giới, giá cà phê trong nước cũng trong xu hướng giảm.

Biểu đồ 7. Diễn biến giá cà phê trung bình tại khu vực Tây Nguyên từ đầu tháng 11/2022 đến cuối tháng 10/2024 (VNĐ/kg)



Nguồn: Tổng hợp từ WiChart

Đến ngày 31/10/2024, giá cà phê thu mua tại Gia Lai đang đứng ở mức 109.100 đồng/kg, Đắk Nông ở mức 109.200 đồng/kg, Đắk Lắk 109.200 đồng/kg, Lâm Đồng 108.800 đồng/kg. Các mức giá này giảm khoảng 12.000 đồng/kg (tương đương mức giảm 9,8%) so với cuối tháng 9/2024. Tuy nhiên, so với đầu năm 2024 vẫn tăng khoảng 60% và so với cùng kỳ năm 2023 tăng khoảng 84%.

Tại thị trường nội địa, cà phê Việt Nam đang bước vào vụ thu hoạch mới, vì thế nguồn cung cũng được cải thiện tăng đáng kể. Điều này là nguyên nhân chính khiến giá cà phê trong nước giảm.

Trên thị trường thế giới, chỉ trong vòng một tháng giá cà phê Robusta giao dịch tại Sở giao dịch hàng hóa London cũng đã giảm hơn 1.000 USD/tấn (tương đương mức giảm hơn 18%) xuống còn 4.453 USD/tấn vào cuối tháng 10/2024 so với mức 5.447 USD/tấn vào cuối tháng 9/2024. Tuy nhiên, so với cuối tháng 10/2023, giá vẫn đang cao hơn gần 88%. Cùng xu hướng, giá cà phê Arabica giao dịch tại New York cũng giảm mạnh từ mức 2,7205 USD/lb vào cuối tháng 9/2024 xuống còn 2,459 USD/lb vào cuối tháng 10/2024.

Biểu đồ 8. Diễn biến giá cà phê Robusta tại London từ đầu tháng 9/2023 đến cuối tháng 10/2024 (USD/tấn)

Published on Investing.com, 31/Oct/2024 - 5:16:46 GMT, Powered by TradingView.

London Robusta Coffee Futures, (CFD):RC, W



Nguồn: Tổng hợp từ Investing.com

IV. DỰ BÁO

Tháng 11 và 12/2024 nông dân các tỉnh Tây Nguyên sẽ tập trung thu hoạch nhiều cà phê hơn, bởi vậy nguồn cung cà phê trong nước dự báo sẽ tăng lên.

Giá cà phê trong nước đã bắt đầu xu hướng giảm trong tháng 10/2024. Dự báo, giá sẽ tiếp tục giảm thêm trong tháng 11 và 12 do nguồn cung cao hơn. Tuy nhiên, biên độ giảm giá sẽ phụ thuộc một phần vào yếu tố thời tiết ảnh hưởng đến hoạt động thu hoạch như thế nào. Cuối tháng 10, cơn bão Trà Mi đang gây ra mưa lớn tại khu vực miền Trung và Tây Nguyên. Nếu mưa lớn tiếp diễn trong tháng 11, có thể làm rụng trái và gián đoạn các hoạt động thu hoạch đang diễn ra. Nếu điều này xảy ra, có thể hạn chế đà giảm giá cà phê trong nước.

Mặt khác, trên thị trường thế giới, giá cà phê tại các Sở giao dịch hàng hóa kỳ hạn chính cũng đang chịu áp lực điều chỉnh giá từ các vùng cao hiện nay về mức phù hợp hơn sau đà tăng nóng trong 9 tháng năm 2024. Dự báo, nguồn cung lớn hơn từ các nước sản xuất và cung ứng chính như Brazil, Việt Nam, Colombia đổ ra thị trường trong thời gian tới sẽ khiến giá cà phê thế giới tiếp tục hạ nhiệt.

Những cơn mưa trái mùa đã bắt đầu lan rộng tại các vùng trồng cà phê chính của Brazil, quốc gia chiếm hơn 80% sản lượng cà phê thế giới. Điều này sẽ giúp bổ sung độ ẩm, tạo điều kiện cho cây cà phê phục hồi và phát triển tốt hơn sau thời gian dài chịu hạn hán. Triển vọng về một vụ mùa bội thu hơn trong niên vụ 2025-2026 cũng được cải thiện đáng kể. Cùng lúc đó, nguồn cung cà phê từ Brazil đổ ra các thị trường thế giới cũng đang tăng nhanh trong những tháng gần đây. Theo số liệu từ các nhà chức trách Brazil, lượng xuất khẩu cà phê hạt của nước này trong tháng 9/2024 tăng tới 36,79% so với cùng kỳ năm trước, lên 4,05 triệu bao 60kg.

Tại Colombia, nhà sản xuất cà phê Arabica lớn thứ 3 thế giới, sản lượng thu hoạch đang tăng nhanh. Riêng tháng 9/2024, nông dân nước này đã thu hoạch được 1,07 triệu bao, tăng 26% so với cùng kỳ năm trước. Điều này giúp nước này đẩy mạnh xuất khẩu lên 987.000 bao, tăng 17% so với tháng 9/2023.

MỤC LỤC

I. NGUỒN CUNG.....	2
- <i>Tình hình sản xuất</i>	<i>2</i>
- <i>Tình hình nhập khẩu</i>	<i>3</i>
II. TÌNH HÌNH TIÊU THỤ	3
- <i>Tiêu thụ trong nước.....</i>	<i>3</i>
- <i>Tình hình xuất khẩu.....</i>	<i>3</i>
III. DIỄN BIẾN GIÁ.....	9
IV. DỰ BÁO.....	10
DANH MỤC BIỂU ĐỒ.....	13
DANH MỤC BẢNG.....	13

DANH MỤC BIỂU ĐỒ

Biểu đồ 1. Sản lượng cà phê của Việt Nam từ niên vụ 2016-2017 đến niên vụ 2023-2025 (ĐVT: triệu tấn)	2
Biểu đồ 2. Xuất khẩu cà phê của Việt Nam qua các tháng năm 2023-2024 theo khối lượng (tấn) .4	
Biểu đồ 3. Xuất khẩu cà phê của Việt Nam qua các tháng năm 2023-2024 theo trị giá (triệu USD)	4
Biểu đồ 4. Giá xuất khẩu cà phê của Việt Nam qua các tháng năm 2023-2024 (ĐVT: USD/tấn) ..5	
Biểu đồ 5. Cơ cấu thị trường xuất khẩu cà phê Việt Nam 9 tháng năm 2024 (theo khối lượng).....8	
Biểu đồ 6. Cơ cấu thị trường xuất khẩu cà phê Việt Nam 9 tháng năm 2023 (theo khối lượng).....9	
Biểu đồ 7. Diễn biến giá cà phê trung bình tại khu vực Tây Nguyên từ đầu tháng 11/2022 đến cuối tháng 10/2024 (VNĐ/kg).....	9
Biểu đồ 8. Diễn biến giá cà phê Robusta tại London từ đầu tháng 9/2023 đến cuối tháng 10/2024 (USD/tấn)	10

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1. Thị trường Việt Nam xuất khẩu cà phê chủ yếu trong tháng 9 và 9 tháng năm 2024	6
Bảng 2. Giá cà phê xuất khẩu Việt Nam bình quân tháng 9 và 9 tháng năm 2024 sang các thị trường chính	7